TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2023/DS-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị B

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn C

Bà Vương Thị Khánh L

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Diệu L– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đ- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 74/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2023/QĐXX-ST ngày 22/8/2022 và quyết định hoãn phiên toà số 1469/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023 giữa các đương sự:

1. **N***guyên đơn:* **Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V (tên cũ: Công ty T);**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ree Tower, Số 9, Đoàn Văn B phường 13, Quận 4, Thành phố H.

- *Người đại diện theo pháp luật*: ông Lô Bằng G- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên;

- *Người đại diện theo ủy quyền*: bà Lương Hoàng Y – Chức vụ Trưởng phòng tố tụng;

- *Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:*Ông Lê Nhật A, sinh năm 1988; địa chỉ liên lạc: Tầng 9, Tòa nhà Ree, 09 Đoàn Văn B, phường 13, Quận 4, Thành phố H; *vắng mặt tại phiên tòa.*

2. Bị đơn: Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Số 1B/9, tổ 10, khu phố 6, phường T, Tp.B, tỉnh Đ; *vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Công ty T (gọi tắt là Công ty S) có đại diện theo ủy quyền ông Lê Nhật A trình bày:

Ngày 10/10/2019, bà Ngô Thị T có ký hợp đồng tín dụng số 20191011 – 7984179 với Công ty S để vay số tiền 26.875.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) với lãi suất thoả thuận 5.00%/tháng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền 46.074.463đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.947.498 đồng, tháng cuối cùng trả 1.282.007đồng, bắt đầu từ ngày 05/11/2019. Bà T đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Công ty SMBC được 6 lần với tổng số tiền đã trả là 11.758.000 đồng (Bao gồm 4.384. 635 đồng tiền gốc và 7.373.365 đồng tiền lãi). Kể từ ngày 09/04/2020 đến nay, bà T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty S đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do bà T trễ hạn thanh toán nên Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị T trả số tiền nợ bao gồm các khoản sau: nợ gốc tính đến ngày 05/10/2021 là: 22.490.365 đồng và toàn bộ khoản nợ lãi tạm tính đến ngày 05/10/2021 là: 11.826.098đồng; tổng số tiền Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thi T phải thanh toán là: 34.316.463 đồng (Ba mươi bố triệu, ba trăm mười sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi ba đồng). Công ty S không yêu cầu tính lãi quá hạn gì thêm đối với bà T sau ngày 28/9/2023, chỉ yêu cầu thanh toán số tiền 11.826.098đồng.

- Bị đơn Ngô Thị T đã được tống đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Công ty T đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp thành Công ty T và khởi kiện bà Ngô Thị T thanh toán tiền nợ gốc và lãi trong các hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định Công ty T là nguyên đơn, bà T là bị đơn. Căn cứ Khoản 14, 16 Điều 4 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị T có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 03 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về các thủ tục tố tụng khác:

Bị đơn bà Ngô Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt; đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Lê Nhật A có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Công ty T (viết tắt là Công ty S) khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị T trả số tiền 34.316.463đồng (Ba mươi bốn triệu, ba trăm mười sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 22.490.365 đồng, nợ lãi chậm trả tính đến ngày 05/10/2021 là 11.826.098 đồng.

Xét thấy: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; phía bị đơn bà T cư trú tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp và Toà án đã xác minh đúng địa chỉ của bà T. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T cố tình trốn tránh không đến Tòa làm việc là tự từ bỏ quyền tham gia vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết.

Hợp đồng tín dụng số 20191011 - 7984179 ngày 10/10/2019 được ký kết giữa Công ty S và bà Ngô Thị T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Căn cứ vào bảng tính và theo dõi của Công ty S thì bà T thanh toán được tổng số tiền gốc và lãi là 11.758.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc 22.490.365đồng. Từ 09/4/2020 bà T ngưng không thanh toán gốc và lãi.

Xét thấy: Từ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập, đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với bà Ngô Thị T, buộc bà T phải thanh toán cho Công ty S số tiền 34.316.463đồng (Ba mươi bốn triệu, ba trăm mười sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 22.490.365 đồng, nợ lãi chậm trả tính đến ngày 05/10/2021 là 11.826.098 đồng.

Do Công ty S không yêu cầu tính lãi sau ngày 28/9/2023 cũng như sau thời điểm xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà T còn phải trả tiền lãi tính từ ngày Công ty S có đơn yêu cầu thì hành án cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty S thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của Công ty S.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn ông Trần Quốc T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, các đương sự thực hiện quyền kháng cáo có mặt, vắng mặt theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, Khoản 1 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 17, Quyết định 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (nay là Công ty T) đối với bị đơn bà Ngô Thị T về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Ngô Thị T phải trả cho Công ty T số tiền 34.316.463đồng (Ba mươi bốn triệu, ba trăm mười sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 22.490.365 đồng, nợ lãi chậm trả tính đến ngày 05/10/2021 là 11.826.098 đồng.

Trong trường hợp bà Ngô Thị T chưa thanh toán xong các khoản tiền nêu trên thì bắt đầu từ ngày Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án, bà Ngô Thị T còn phải trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 20191011- 7984179 ngày 10/10/2019. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty T.

2. Về án phí:

- Bà Ngô Thị T phải chịu chịu 1.715.823đồng (Một triệu, bảy trăm mười lăm nghìn, tám trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty T số tiền 857.912 đồng(Tám trăm năm mươi bảy nghì, chín trăm mười hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005865

ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Đ (biên lai ghi tên người nộp là Công ty T).

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị B